TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7- 2026
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Vinh.

2. Bà Lương Thị Bảo Thùy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: khu phố C, phường H, Thành phố Đ.

Tạm trú: số nhà I, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: số nhà A, đường T, khu phố B, phường B, Thành phố Đ.

3. Người làm chứng: Chị Bùi Đặng Hiếu N, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: số nhà A, đường T, khu phố B, phường B, Thành phố Đ.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L Anh trình bày:*

Tôi và anh Bùi Văn T quen biết nhau từ năm 1988, đến năm 1990 thì tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại xã X, huyện X nay là phường

H, tỉnh Đồng Nai số R0000 249 quyển số 01 ngày 19/02/1990, đây là lần kết hôn đầu tiên của chúng tôi.

Sau kết hôn chúng tôi chung sống tại nhà gia đình anh T tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nay là phường H, thành phố Đ, sau đó năm 2016 gia đình tôi chuyển đến số nhà A, đường T, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai sinh sống.

Trong cuộc sống vợ chồng chúng tôi bắt đầu mâu thuẫn từ năm 1995, do anh T thường xuyên nhậu nhẹt về gây sự kiếm chuyện đánh đập tôi, tình trạng như vậy thường xuyên; cha mẹ anh T có khuyên can như anh T không thay đổi; tôi không báo chính quyền địa phương việc anh T đánh đập chửi bới tôi; tuy nhiên trong cuộc sống anh vẫn có trách nhiệm với con cái, vì con nên tôi không làm đơn ly hôn. Chúng tôi vẫn chung sống với nhau.

Vào ngày 20/10/2020, do có mâu thuẫn trong sinh hoạt anh T có hành vi đánh đạp vào bụng tôi, cầm bàn ủi ném vào tôi nên tôi chuyển đến số I, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng buôn bán cơm cho đến nay; hàng năm khi có dịp lễ tết, đám giỗ thì tôi có về nhà tham gia nhưng chúng tôi không qua lại không hàn gắn gì nữa. Tuy nhiên, khi anh T cần tiền tôi vẫn gửi tiền cho anh T sinh hoạt, cách đây khoảng 05 tháng tôi về nhà thì cháu tôi nói là anh T đã có quan hệ với người phụ nữ khác, còn chở đến những người quen biết để công khai ra mắt, anh T thừa nhận có việc này. Nay tôi không còn tình cảm và xác định muốn chấm dứt hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh T.

Về con chung: Bùi Đặng Hiếu N, sinh năm 1989 có gia đình đã trưởng thành hiện nay ở số nhà A, đường T, khu phố B, phường B; Bùi Đặng Hiếu N1, sinh năm 1995 chưa có gia đình hiện làm Spa ở P và Bùi Đặng Hiếu N2, sinh năm 1998 hiện xuất khẩu lao động ở M, các cháu trưởng thành nên tôi không có ý kiến yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Chúng tôi có đất và nhà tại số nhà A, đường T, khu phố B, phường B; đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mua bằng giấy tay, chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai cũng không có cho ai mượn nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, bản tường trình gửi cho Tòa án.*

** Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là chị Bùi Đặng Hiếu N trình bày:*

Tôi là con ruột của bà Đặng Thị Ngọc Loan A và ông Bùi Văn T, hiện tôi đã có gia đình và đang sinh sống tại số nhà A, đường T, khu phố B, phường B. Gia đình tôi và cha tôi ông Bùi Văn T ở chung 01 địa chỉ nhưng 02 nhà sát vách nhau, cha tôi ở 01 mình; cha mẹ tôi đã không còn sinh sống với nhau từ năm 2020 mẹ tôi

đã sinh sống và bán cơm tại số I, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay.

Trong gia đình tôi là con gái đầu còn có 02 người em gái nữa là: Bùi Đặng Hiếu N1, sinh năm 1996 chưa có gia đình hiện làm Spa ở P và Bùi Đặng Hiếu N2, sinh năm 1998 hiện xuất khẩu lao động ở M.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của cha mẹ tôi: lúc tôi còn nhỏ thì tôi đã chứng kiến việc cha tôi ông T thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện đánh đập mẹ tôi, khoảng 10 năm gần đây thì ông T nhậu về chửi mẹ tôi chứ không đánh đập như trước, mẹ tôi là người lao động chính trong gia đình còn cha tôi chỉ phụ thu nhập từ việc làm vườn; trong cuộc sống thì cha vẫn quan tâm lo lắng cho các con nhưng vẫn mâu thuẫn với mẹ. Từ khi mẹ lên Lâm Đồng thì hàng tháng mẹ và chúng tôi đều góp tiền để nuôi dưỡng cha, cha tôi giờ không làm gì cả, tôi khuyên can cha tôi nhiều lần nhưng cha vẫn không bỏ rượu mà vẫn uống rượu hằng ngày.

Hàng năm thì lễ tết, nhà có đám tiệc mẹ tôi đều về nhà; cách đây khoảng vài tháng thì tôi có nghe mẹ tôi và em tôi nói là cha tôi có quan hệ với người phụ nữ khác, tôi có thấy cha tôi đưa về nhà ăn cơm, người này tên H ở xã B nay là L còn cụ thể thế nào thì tôi không rõ. Nay mẹ tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi cũng mong muốn tòa án giải quyết cho mẹ tôi, còn chúng tôi đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên không hòa giải được, bà Loan A có đơn đề nghị không hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

+ Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Căn cước công dân, giấy khai sinh con chung, giấy chứng nhận kết hôn; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản tự khai, đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

+ Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

+ Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai người làm chứng, biên bản xác minh, biên bản giao nhận văn bản tố tụng.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Tất cả các đương sự vắng mặt nên không có lời khai nên Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: Đúng các quy định của của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn được triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A và ông Bùi Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã H, Thành phố Đ). Quá trình chung sống lúc đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên vào năm 2020, bà Loan A và ông T đã ly thân. Nay tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên bà Đặng Thị Ngọc L Anh kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T.

Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý việc ly hôn giữa bà Đặng Thị Ngọc Loan A và ông Bùi Văn T.

Về con chung: 03 người con chung là Bùi Đặng Hiếu N, sinh ngày 09/12/1989; Bùi Đặng Hiếu N1, sinh ngày 10/10/1995; Bùi Đặng Hiếu N2, sinh ngày 04/7/1998. Hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị Ngọc L Anh khởi kiện ly hôn với ông Bùi Văn T. Ông T có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại số nhà A, đường T, khu phố B, phường B, Thành phố Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 77 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai. Bà Đặng Thị Ngọc L Anh là nguyên đơn, ông Bùi Văn T là bị đơn trong vụ án. Bà Loan A có đơn đề nghị Tòa án triệu tập chị Bùi Đặng Hiếu N là con ruột ông bà làm chứng vì biết rõ mâu thuẫn nên chị Bùi Đặng Hiếu N tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc Loan A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; ngày 29/6/2026 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc bị đơn không chấp hành quy định pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 6 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A và ông Bùi Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, Thành phố Đ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số R0000249, quyển số 01 ngày 19/02/1990, nên hôn nhân giữa bà A, ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa bà A, ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông T thường xuyên nhậu nhẹt về gây sự kiếm chuyện đánh đập tôi, tình trạng như vậy kéo dài, ngày 20/10/2020, do có mâu thuẫn nên bà A chuyển đến số nhà I, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay nguyên nhân và diễn biến về mâu thuẫn hôn nhân cũng phù hợp với lời khai của các con chung và tài liệu, chứng cứ chị Loan A giao nộp.

Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt. Từ đó, nhận thấy bản thân ông T cũng không có thiện chí hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A, ông T là có thật và hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Loan A là có cơ sở nên được chấp nhận.

3.2 Về con chung: Các con chung là Bùi Đặng Hiếu N, sinh năm 1989; Bùi Đặng Hiếu N1, sinh năm 1995 và Bùi Đặng Hiếu N2, sinh năm 1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3.3 Về tài sản chung: Bà Loan A không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3.4 Về nợ chung: Bà Loan A khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc L Anh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 85; Điều 89; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc Loan A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Các con chung là Bùi Đặng Hiếu N, sinh năm 1989; Bùi Đặng Hiếu N1, sinh năm 1995 và Bùi Đặng Hiếu N2, sinh năm 1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Loan A không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Loan A khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc Loan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0005766 ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Loan A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV 4 - Đồng Nai;
- UBND phường Hàng Gòn, TP. Đồng Nai. (Số ĐKKH: R0000249 ngày 19/02/1990);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Trường